|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD- ĐT QUẬN LONG BIÊN  **TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI** |  |

**NỘI DUNG ÔN TẬP TẠI NHÀ TUẦN 29**

**MÔN ĐỊA 9**

**Chủ đề : Kinh tế**

Công cuộc đổi mới nước ta từ năm 1986 chuyển dịch theo 3 hướng : theo kinh tế ngành, theo lãnh thổ, theo thành phần kinh tế

+ Cơ cấu ngành : giảm tỉ trọng ngành nông lâm ngư nghiệp tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ

+ Thành phần kinh tế : *Kinh tế nhà nước* có xu hướng giảm nhưng chiếm *vai trò chủ đạo* , thành phần kinh tế tư nhân ,cá thể, tập thể , có vốn đầu tư nước ngoài

+ Theo lãnh thổ : có 7 vùng kinh tế, 3 vùng kinh tế trọng điểm , vùng chuyên canh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vùng | Cây chuyên canh | Vật nuôi |
| Trung du miền núi BẮc Bộ | Chè | trâu |
| Đồng Bằng Sông Hồng | Lúa | Lợn |
| Bắc Trung Bộ | X | Bò |
| Duyên hải Nam Trung Bộ | X | Bò |
| Tây Nguyên | Cà phê | Gia súc lớn |
| Đông Nam Bộ | Cao su | Gia súc lớn |
| Đồng bằng Sông Cửu Long | Lúa | Vịt |

* Nông nghiệp
* Các yếu tố ảnh hưởng đến nông nghiệp
* Tài nguyên đất là tư liệu không thể thiếu trong nông nghiệp
* Khí hậu tạo nên tính đa dạng trong nông nghiệp
* Chính sách nhà nước ( Kinh tế - xã hội ) là yếu tố quyết định đến thành tự to lớn trong nông nghiệp
* Nhóm cây lương thực có xu hướng giảm nhưng chiếm tỉ trọng cao , cây lúa là cây chính
* Cây công nghiệp có xu hướng tăng
* Chăn nuôi chủ yếu trâu bò lợn và gia cầm
* Lâm nghiệp : Vai trò, ý nghĩa, phân bố

Có 3 loại rừng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tác dụng | Phân bố |
| Rừng phòng hộ | Bảo vệ đất chống cát bay | Đầu nguồn các con sông |
| Rừng đặc dung | Bảo vệ nguồn gen quý | Gắng liền hệ sinh thái |
| Rừng sản xuất | Cung cấp gỗ | Núi thấp |

* Ngư nghiệp
* Tiềm năng thủy sản
* Hiện trạng phát triển thủy sản ( Atlat 18)
* Có 4 ngư trường trọng điểm , xuất khẩu thủy sản đứng thứ 3 sau dầu khí và may mặc
* Khánh Hòa là tỉnh đứng đầu về diện tích nuôi trồng thủy sản
* Duyên HẢi Nam Trung Bộ là vùng có thế mạnh về thủy sản lớn nhất cả nước

**Chủ đề : Công nghiệp**

- Các nhân tố ảnh hưởng đến công nghiệp

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Đặc điểm*** |
| Nhân tố tự nhiên quan trọng nhất | Khoáng sản |
| Nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ nhất | Thị trường |
| CN trọng điểm chiếm tỉ trọng cao nhất | Chế biến Lương thực thực phẩm |
| Các ngành CN trọng điểm | 4: Khai thác nhiên liệu, CN điện, Chế biến lương thực thực phẩm, dệt may |
| Trung tâm Công nghiệp lớn | - Theo vùng : Đông Nam Bộ và ĐB Sông Hồng  - Theo tỉnh : TP HCM và Hà Nội |

- Cơ cấu công nghiệp

- Các ngành công nghiệp trọng điểm

**Chủ đề : Dịch vụ**

*- Cơ cấu : Có 3 nhóm ngành :*

*+ Dịch vụ tiêu dùng* chiếm tỉ trọng cao nhất bao gồm thương nghiệp dịch vụ sửa chữa , khách sạn nhà hàng, dịch vụ cá nhân

*+ Dịch vụ sản xuất* : giao thông vận tải bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng, kinh doanh *tài sản*

*+ Dịch vụ công cộng* : giáo dục y tế và quản lý nhà nước

- Đặc điểm và sự phân bố

+ Sự phân bố ngành dịch vụ phụ thuộc vào sự phân bố dân cư

+ Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là 2 trung tâm lớn nhất cả nước.

- Vai trò dịch vụ : Không trực tiếp tạo ra của cải vật chất, tạo ra mối liên kết giữa các ngành sản xuất , các vùng...

|  |  |
| --- | --- |
| **Các loại hình giao thông ( 6 )** | **Đặc điểm** |
| Đường bộ | Khối lượng hàng hóa vận chuyển lớn nhất |
| Đường sắt | Chủ yếu ở miền Bắc đường sắt thống Nhất là tuyến đường quan trọng nhất |
| Đường sông | Mới được khai thác ở mức độ thấp |
| Đường biển | 3 cảng biển lớn : Hải Phòng, Đà Nẵng , Sài Gòn |
| Đường hàng | Có tốc độ phát triển nhanh nhất |
| Đường ống | Ra đời muộn nhất, gắn liền với ngành dầu khí |

* Bưu chính bao gồm : phát hành báo chí , chuyển bưu kiện , bưu phẩm
* Viễn thông : Internet, đường dẫn số liệu , điện báo...
* Nước ta hòa mạng Internet vào cuối năm 1997

Thương mại và du lịch ( Atlat 24)

* KT tư nhân giúp nội thương phát triển
* Nội thương phát triển mạnh nhất ở vùng Đông Nam Bộ
* Tài nguyên du lịch tự nhiên : bao gồm các yếu tố tự nhiên như bãi biển, núi Tam Đảo..
* Tài nguyên du lịch nhân văn : do con người sáng tạo ra VD Văn Miếu Quốc Tử Giám..

**ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP**

**Câu 1**. Nhân tố tự nhiên nào đã quy định nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta?

A.Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa C. Nguồn nước dồi dào

B. Đất phù sa D. Sinh vật nhiệt đới

**Câu 2**. Theo Atlat địa lí Việt Nam trang 11, hai nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là

A. đất phù sa và đất feralit. C. đất badan và đất feralit

B. đất phù sa và đất badan D. đất phù sa và đất xám

**Câu 3**. Theo Atlat địa lí Việt Nam trang 19, vùng trọng điểm lúa số một của nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng. C. Bắc Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Tây Nguyên.

**Câu 4.** Theo Atlat địa lí Việt Nam trang 19,lợn được nuôi nhiều nhất ở vùng

A. Đồng bằng sông Cửu Long. C. Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng. D. Tây Nguyên.

**Câu 5**. Cây lương thực chính trong sản xuất nông nghiệp nước ta là cây

A. khoai. C. lúa.

B .sắn. D. hoa màu.

**Câu 6**. Theo Atlat địa lí Việt Nam trang 19, một số cây công nghiệp lâu năm tiêu biểu ở nước ta gồm:

A. dâu tằm, thuốc lá, bông. C. cao su, hồ tiêu, thuốc lá.

B. cà phê, cao su, bông . D.cà phê,cao su, hồ tiêu.

**Câu 7.** Theo Atlat Địa lí Việt Nam trang 19,vùng trồng chè lớn nhất nước ta là

A. Trung du miền núi Bắc Bộ. C. Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng Sông Hồng.

**Câu 8**. Các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực ở nước ta là

A. thóc và cá biển. C. thóc và sản phẩm cây công nghiệp.

B. gạo và sản phẩm cây công nghiệp. D. cà phê và gỗ.

**Câu 9.** Các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp gồm:

A. đất, khí hậu,dân cư, thị trường . C. đất, khí hậu, sinh vật, thị trường.

B. đất, khí hậu, nước, sinh vật . D. đất, khí hậu, dân cư, nước.

**Câu 10**. Theo Atlat Địa lí Việt Nam trang 19,vùng trồng cao su lớn nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Cửu Long. C. Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng. D. Tây Nguyên.

**Câu 11**. Biện pháp quan trọng hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta là

A.đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp. C. phát triển thủy lợi.

B. đa dạng hóa cơ cấu mùa vụ. D. ổn định thị trường.

**Câu1 2.** Nguyên nhân chủ yếu nào đã thúc đẩy sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở nước ta?

A. Dân cư, lao động có nhiều kinh nghiệm. C. Chính sách mới của Đảng và Nhà nước.

B. Điều kiện tự nhiên thuận lợi . D. Thị trường được mở rộng.

**Câu 13**.Sản xuất lúa ở nước ta đảm bảo đủ ăn và còn để xuất khẩu, nguyên nhân quan trọng nhất là do

A. tính cần cù lao động của nhân dân. C.thời tiết thuận lợi nhiều năm.

B.đường lối đổi mới trong nông nghiệp của nhà nước. D.diện tích trồng lúa tăng

**Câu 14**. Vùng đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lúa lớn nhất ở nước ta do

A. năng suất lúa cao. C.hệ thống thủy lợi phát triển.

B.diện tích trồng lúa lớn nhất nước ta. D. khí hậu thuận lợi.

**Câu 1 5**. Nền nông nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, thể hiện ở việc

A. diện tích đất canh tác không ngừng mở rộng.

B. năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi tăng nhanh.

C. đã hình thành các vùng chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến.

D. việc xuất khẩu nông sản được đẩy mạnh.

**Câu 16**.Trong nhiều năm trở lại đây cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng:

A.Giảm tỉ trọng giá trị cây công nghiệp.

B.Tăng tỉ trọng giá trị cây lương thực và cây ăn quả .

C.Tăng tỉ trọng giá trị cây lương thực.

D.Tăng tỉ trọng giá trị cây công nghiệp.

**Câu 17**.Điều kiện nào là nhân tố quyết định tạo nên những thành tựu to lớn trong nông nghiệp?

A. Điều kiện tự nhiên-kinh tế. C. Điều kiện kinh tế-xã hội.

B. Điều kiện tự nhiên. D. Điều kiện tự nhiên-xã hội.

**Câu 18**. Cơ sở để nhân dân ta thuần dưỡng, lai tạo nên các giống cây trồng và vật nuôi là

A. tài nguyên khí hậu. C. tài nguyên nước.

B. tài nguyên sinh vật D. tài nguyên đất.

**Câu 1 9**. Sự chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp ở nhiều vùng còn khó khăn, chủ yếu là do

A. thời tiết thất thường.

B. một số chính sách ở địa phương còn chưa phù hợp với thực tế.

C. cơ sở vật chất – kĩ thuật trong nông nghiệp chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

D. sức mua của thị trường trong nước còn hạn chế.

**Câu 20.**Ở nước ta,năm 2012 diện tích trồng lúa là 7,76 triệu ha, sản lượng lúa là 43,73 triệu tấn. Năng suất lúa của nước ta năm 2012 là

A. 5,64 tạ/ha C. 35,9 tạ/ha

B. 56,4 tạ/ha D. 51,5 tạ/ha

**CHUYÊN ĐỀ ĐỊA LÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**Câu 1**: Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và phân bố công nghiệp là:

A. địa hình B. khí hậu

C. vị trí địa lý D. tài nguyên khoáng sản

**Câu 2:** Các mỏ dầu khí của nước ta hiện nay được phát hiện và khai thác chủ yếu ở đâu?

A. Quảng Ninh B. Thái Bình

C. Thềm lục địa phía Nam D. Thềm lục địa phía Bắc

**Câu 3:** Nhà máy thuỷ điện có công suất lớn nhất đang hoạt động ở nước ta hiện nay là:

A. Hoà Bình B. Sơn La

C. Trị An D. Thác Bà

**Câu 4:** Ngành công nghiệp truyền thống của Nam Định là:

A. Sản xuất vật liệu xây dựng

B. Chế biến lương thực thực phẩm

C. Cơ khí

D. Dệt may

**Câu 5:** Ngành công nghiệp nào chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta năm 2002?

A. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

B. Công nghiệp điện

C. Công nghiệp hoá chất

D. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

**Câu 6**: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, xác định quy mô của trung tâm công nghiệp Nam Định?

1. Dưới 9 nghìn tỉ đồng
2. Từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng
3. Quy mô trung bình
4. Quy mô lớn

**Câu 7**: Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Quảng Ninh là

A. nhiệt điện

B. thủy điện

C. hóa dầu

D. khai thác than

**Câu 8**: Hai trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta hiện nay là:

A. Hà Nội, Hải Phòng

B. Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội

C. Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng

D. Biên Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

**Câu 9:** Nhà máy điện nào sau đây **không phải** là nhà máy thủy điện?

A. Hòa Bình

B.Trị An

C. Phả Lại

D. Sơn La

**Câu 10**: Hai khu vực tập trung công nghiệp lớn nhất của nước ta là

A.Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội

B.Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng

C. Đông Nam Bộ và Hà Nội

D. Đồng bằng sông Hồng và Thành phố Hồ Chí Minh

**Câu 11**: Các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay chủ yếu dựa vào ưu thế nào?

1. Tài nguyên thiên nhiên và công nghệ cao.
2. Tài nguyên thiên nhiên và lao động.
3. Lao động và công nghệ cao.
4. Công nghệ cao.

**Câu 12**: Các nhà máy thủy điện của nước ta phân bố ở miền núi và cao nguyên vì

1. ở đó có nguồn tài nguyên cần thiết để nhà máy hoạt động.
2. ở đó ít dân nên có mặt bằng rộng để xây dựng nhà máy.
3. đó là nơi có nhiều vật liệu để xây dựng nhà máy.
4. ở đó người lao động có kinh nghiệm xây dựng và vận hành các nhà máy điện.

**Câu 13**: Trong quá trình công nghiệp hóa

1. tỉ lệ dân đô thị tăng lên.
2. tỉ lệ dân nông thôn tăng lên.
3. tỉ lệ dân nông thôn và đô thị cùng tăng.
4. tỉ lệ trẻ em sẽ tăng lên.

**Câu 14**: Cơ sở để phát triển ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta là

1. nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao.
2. các nguồn tài nguyên có trữ lượng lớn.
3. thị trường tiêu thụ rộng lớn.
4. vị trí địa lí thuận lợi.

**Câu 15**: Trung tâm công nghiệp nào dưới đây có cơ cấu ngành chuyên môn hoá đa dạng nhất cả nước?

A. Hà Nội B. Thành phố Hồ Chí Minh

C. Bà Rịa - Vũng Tàu D. Hải Phòng

**Câu 16:** Các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta phát triển có ý nghĩa:

A. hình thành nên các vùng công nghiệp

B. thúc đẩy sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

C. hình thành nên các vùng kinh tế trọng điểm

D. tạo ra giá trị sản xuất lớn

**Câu 17:** Khoáng sản nhiên liệu (than, dầu, khí) tạo thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp:

A. hoá chất và luyện kim. B. năng lượng và hóa chất.

C. luyện kim và cơ khí. D. cơ khí và xây dựng.

**Câu 18:** Ngành công nghiệp dệt may nước ta phát triển mạnh chủ yếu dực trên ưu thế về

1. Vốn đầu tư lớn.
2. Cơ sở hạ tầng phát triển.
3. Nguồn lao động dồi dào, giá lao động rẻ
4. Trình độ khoa học kĩ thuật cao.

**Câu 19:** Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành:

A. Công nghiệp dầu khí B. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

C. Công nghiệp cơ khí và hoá chất. D. Công nghiệp điện tử

**Câu 20:** Vùng có mức độ tập trung nhiều nhất các trung tâm công nghiệp quy mô lớn của cả nước là

1. Đồng bằng sông Hồng.
2. Đồng bằng sông Cửu Long.
3. Đông Nam Bộ.
4. Bắc Trung Bộ.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | B | A | A | B | B | B | B | C | B | C |

**MỨC ĐỘ VẬN DỤNG THẤP**

**Câu 21**: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết điểm khác nhau giữa các nhà nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam.

1. Các nhà máy ở miền Nam thường có quy mô lớn hơn.
2. Các nhà máy miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.
3. Các nhà máy ở miền Bắc nằm gần vùng nguyên liệu, miền Nam gần các thành phố.
4. Các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.

**Câu 22**: Phân hóa học là sản phẩm của ngành công nghiệp :

A. năng lượng.

B. sản xuất hàng tiêu dùng.

C. hóa chất.

C. chế biến lâm sản.

**Câu 23**: Ở nước ta, ngành công nghiệp dệt may chú trọng nhất đến vấn đề:

1. nguyên liệu.
2. thị trường.
3. lao động.
4. máy móc thiết bị.

**Câu 24**: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, tính tỉ trọng giá trị sản xuất ngành dệt may năm 2007?

1. 54,8 %
2. 54.9 %
3. 55, 8 %
4. 55,9 %

**Câu 25**: Ở nước ta, ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm phát triển chủ yếu dựa vào

1. mạng lưới giao thông thuận lợi.
2. nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú
3. Cơ sở vật chất kĩ thuật được nâng cấp
4. vị trí nằm gần các trung tâm công nghiệp.